

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN G
TỈNH ĐIỆN B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày 14-3-2024

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN G, TỈNH ĐIỆN B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý A Th

Bà Lò Thị Th

- Thư ký phiên tòa: Ông Thào A Th, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần G tham gia phiên tòa:
Bà Lương Phương Th - Kiểm sát viên.

Ngày 04/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2023/TLST - HNGĐ ngày 16/11/2023 về: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 02/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cà Thị Nhung, sinh năm 1986.

Địa chỉ thường trú: Bản Muông, xã Mường Thín, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ hiện nay: Bản H xã Rạng Đ, huyện Tuần G, tỉnh Điện B

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn H, sinh năm 1990

Địa chỉ thường trú: Bản M, xã Mường Th, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/11/2023, bản tự khai, nguyên đơn chị Cà Thị Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Quàng Văn H chung sống như vợ chồng từ năm 2010 có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương nhưng đến ngày 08/10/2014 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Th, huyện Tuần G, tỉnh Điện B. Hôn nhân là tự nguyện không ai bị lừa dối, ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh H không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 3 năm 2023 chị Nh đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản H, xã Rạng Đ, huyện Tuần G sinh sống cho đến nay. Xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Quảng Văn H.

Về quan hệ con chung: Chị Nh và anh H có hai con chung: Cháu Quảng Văn H, sinh ngày 01/3/2011 và Quảng Anh H, sinh ngày 20/7/2018, hiện hai cháu đang ở với Anh H. Khi ly hôn chị Nh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị Nh không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về công nợ: Nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Sau khi thụ lý vụ án ngày 16/11/2023, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của anh Quảng Văn H. Qua xác minh cho thấy Anh H có đăng ký thường trú và sinh sống tại bản M, xã Mường Th, huyện Tuần G. Song hiện nay anh H đang làm ăn tại Hà Nội, cụ thể làm việc ở đâu địa phương không nắm được, thỉnh thoảng anh H có về nhà rồi lại đi song không cất tạm trú tạm vắng đi nơi khác nên Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh H. Tòa án đã tiến hành tổng đạt bằng hình thức niêm yết công khai các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết các văn bản tố tụng anh H vẫn không có mặt nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Ngày 02/01/2024, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự song anh H vắng mặt không có lý do, Tòa án đã lập biên bản về sự vắng mặt không có lý do của anh H và tiến hành niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Cùng ngày 02/01/2024, chị Cà Thị Nh đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/02/2024, anh H thừa nhận về quan hệ hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn như chị Nh trình bày. Do anh đi làm ăn xa nên bây giờ mới có mặt tại Tòa án. Về nguyên nhân mâu thuẫn do hoàn cảnh kinh tế khó khăn anh để chị Nh đi làm ăn xa dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Từ tháng 3 năm 2023 chị Nh đã về nhà mẹ đẻ tại bản H, xã Rạng Đ, huyện Tuần G sinh sống. Từ đó anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa, không có quan hệ sinh lý và tình cảm gì nữa, anh nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh thừa nhận có hai con chung như chị Nhung trình bày, khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị Nhung cấp dưỡng. Về quan hệ tài sản: Tài sản chung, nợ phải trả anh và chị Nhung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản riêng, nợ lấy về anh khai không có. Tuy nhiên sau khi thông qua biên bản, anh H đã bỏ về và không ký biên bản.

Ngày 06/02/2024, Tòa án nhân dân huyện Tuần G mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/01/2024 và đã niêm yết theo quy định của pháp luật, anh H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa theo luật định.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2024 tại bản M, xã Mường Th, huyện Tuần G, anh H vẫn giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân có mâu thuẫn như lời khai ngày 01/02/2024, tuy nhiên anh cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị Nh,

anh không nhất trí ly hôn. Về quan hệ con chung, nguyện vọng về con chung, về quan hệ tài sản công nợ anh vẫn giữ nguyên như lời khai ngày 01/02/2024. Anh có ý kiến xin vắng mặt không tham gia phiên tòa, mọi quan điểm giải quyết vụ án thể hiện trong biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2024.

Tại phiên tòa ngày 01/3/2024, tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nh vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện, bản tự khai: Về quan hệ hôn nhân, quan hệ tài sản chị vẫn giữ nguyên quan điểm. Tuy nhiên về quan hệ con chung, chị có đề nghị: Do điều kiện chị phải đi làm thuê tại khu công nghiệp Bắc G không có điều kiện để chăm sóc các cháu nên chị nhất trí cho hai cháu, Quàng Văn H, sinh ngày 01/3/2011 và Quàng Anh H, sinh ngày 20/7/2018 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật: Về thẩm quyền và trình tự thủ tục Thẩm phán, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận cho nguyên đơn chị Cà Thị Nh được ly hôn với bị đơn anh Quàng Văn H theo Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Giao hai cháu Quàng Văn H, sinh ngày 01/3/2011 và Quàng Anh H, sinh ngày 20/7/2018 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động, chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Tài sản chung, nợ phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản riêng, nợ lấy về không có

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Cà Thị Nh là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí và có đơn xin được miễn án phí, đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Chị Cà Thị Nh và anh Quàng Văn H kết hôn ngày 08/10/2014, đến thời điểm giải quyết, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực, do vậy Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3]. Về việc hoãn phiên tòa: Ngày 06/02/2024, Tòa án nhân dân huyện Tuần G đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án song bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX

quyết định hoãn phiên tòa.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh H lấy nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thể hiện tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 15/12/2023 tại bản M, xã Mường Th, huyện Tuần G: Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là từ khi chị Nh đi làm ăn xa nhà, còn cụ thể thì Trưởng bản không nắm được, hiện chị Nh sinh sống cùng mẹ đẻ tại bản H, xã Rạng Đ, huyện Tuần G, không về sinh sống cùng anh H nữa.

Căn vào lời khai của chị Nh, biên bản lấy lời khai của anh H ngày 26/02/2024 và các tài liệu chứng cứ thu thập được, HĐXX đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa chị Nh và anh H là có thật, do chị Nh làm ăn xa nhà vì điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn khiến tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đều không ai mong muốn níu kéo tình trạng hôn nhân của mình thể hiện qua việc từ khi ly thân từ tháng 3 năm 2023 anh chị không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Từ những căn cứ trên đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị Nh và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân là vợ chồng gần gũi, thương yêu chăm sóc, quý trọng giúp đỡ lẫn nhau không có, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Nh xin ly hôn với anh H, mặc dù anh H không nhất trí cũng cần được chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Xét nguyện vọng về con chung và cấp dưỡng: Chị Nh, anh H có hai con chung: Quàng Văn H, sinh ngày 01/3/2011 và Quàng Anh H, sinh ngày 20/7/2018 hiện hai cháu đang ở với anh H. Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con thì chị Nh và anh H vừa làm ruộng và làm thuê đều có đủ khả năng nuôi dưỡng con chung. Tại đơn khởi kiện ban đầu chị Nh có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị nhất trí giao cả hai con cho anh H nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Tại đơn nguyện vọng của cháu Quàng Văn H khi bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với bố Quàng Văn H.

HĐXX xét nguyện vọng của chị Nh, ý kiến của anh H, nguyện vọng của cháu H và điều kiện, khả năng chăm sóc nuôi dưỡng của anh H, yêu cầu thay đổi quyền nuôi con của chị Nh không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu: Quyết định căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 244 bộ luật Tố tụng dân sự: Quyết định giao hai cháu: Quàng Văn H, sinh ngày 01/3/2011 và Quàng Anh H, sinh ngày 20/7/2018 cho anh Quàng Văn H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động, chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung

[6]. Về quan hệ tài sản: Tài sản chung, nợ phải trả: Chấp nhận việc chị Nh, anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản riêng, nợ lấy về không có

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Cà Thị Nhung là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí và có đơn xin được miễn án phí, HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị Nhung.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 244 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn chị Cà Thị Nh được ly hôn với bị đơn anh Quảng Văn H.

2. Về con chung: Giao hai cháu Quảng Văn H, sinh ngày 01/3/2011 và Quảng Anh H, sinh ngày 20/7/2018 cho anh Quảng Văn H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động, chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Tài sản chung, nợ phải trả: Chấp nhận việc chị Nhung, anh Hưng đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản riêng, nợ lấy về không có

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị Nhung.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Cà Thị Nh, bị đơn anh Quảng Văn H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện B;
- VKSND huyện Tuần G
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã Mường Th. (Nơi ĐKKH);
- Dương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Đình H

